TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16-5-2019
Về tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ – TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phước Thị Kim Huê
2. Bà Thạch Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chế Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Sum - kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2019/TLST–HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/QĐST–HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Thạch Th, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị Kim Thị Sa Th, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp C, xã Gi, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Địa chỉ trước đây: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt).

- *Con chung:* Cháu Kim Th, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2009; Cùng địa chỉ với chị Kim Thị Sa Th: ấp C, xã Gi, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Địa chỉ trước đây: ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2019, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10 tháng 5 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Thạch Th trình bày và yêu cầu:

Về hôn nhân: Khoảng năm 2008 anh và chị Sa Th tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian sống chung ít khi xảy ra mâu thuẫn, nhưng không hiểu vì lý

do gì mà lúc con chung của anh với chị Sa Th được khoảng gần 01 tuổi thì chị Sa Th mang con từ TP. HCM về nhà cha mẹ vợ để chăm sóc (thời điểm đó do hai người cùng làm thuê tại TP. HCM). Từ thời gian đó thì chị Sa Th không chịu gặp anh, cũng không chịu lên TP. HCM ở chung với anh nữa. Đến nay con chung của anh và chị Sa Th được gần 10 tuổi, tình cảm hai người không còn, không ai muốn hàn gắn nên anh yêu cầu Tòa án không công nhận anh với chị Sa Th là vợ chồng. Chị Sa Th cũng biết việc anh nộp đơn khởi kiện và cũng đồng ý theo anh yêu cầu, nhưng không chịu có mặt để giải quyết vụ án.

Về con chung: Anh với chị Sa Th có 01 con chung tên Kim Th, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2009 hiện sống chung với chị Sa Th và cha mẹ chị Sa Th và con cũng không chịu theo anh nên anh không yêu cầu nuôi con, chị Sa Th không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con nên anh cũng thống nhất và không có ý kiến gì khác.

Về quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung thì không có nên chị không có yêu cầu gì.

Bị đơn chị Kim Thị Sa Th vắng mặt nên không có lời khai.

Tại biên bản xác minh ngày 03 tháng 4 năm 2019 đối với ông Kim D là cha của chị Kim Thị Sa Th cho biết, ông là cha của chị Sa Th sống chung nhà với chị Sa Th, ông có nhận các văn bản tố tụng thay cho chị Sa Th (gồm thông báo thụ lý vụ án và các thông báo, giấy triệu tập) do chị Sa Th đi làm vắng nhà, sau khi nhận ông có thông báo cho chị Sa Th biết nội dung, nhưng chị Sa Th nói do bận công việc không nên không về, chị Sa Th cũng đồng ý theo anh Th yêu cầu, đồng ý tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản xác minh tại thời điểm xét xử đối với cháu Kim Th là con chung của anh Thức và chị Sa Th cho biết, cháu có trình bày nguyện vọng yêu cầu được ở với chị Sa Th sau khi chị Sa Th và anh Th ly hôn với nhau.

Tại biên bản xác minh ngày 03 tháng 4 năm 2019 đối với bà Kim Thị Ch là đại diện chính quyền địa phương ấp L, xã S cho biết, thời điểm khoảng 2008 – 2009 anh Th và chị Sa Th đã từng sống chúng với nhau như vợ chồng được khoảng 02 năm thì không biết xảy ra mâu thuẫn gì mà không ở chung cho đến nay. Hai người này có 01 con chung tên Kim Th hiện ở chung chị Sa Th, nhưng do chị Sa Th đi làm thuê nên do mẹ của chị Sa Th chăm sóc nuôi dưỡng tốt.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn thì vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ bằng cách giao văn bản tố tụng cho người thân thích nhận thay.

Tuy nhiên về quan hệ pháp luật tranh chấp thì phải xác định lại để giải quyết theo thủ tục chung mới đúng, bởi vì nguyên đơn không có yêu cầu tranh

chấp về nuôi con, nên đây thuộc trường hợp các tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Theo lời khai của nguyên đơn cho thấy năm 2008 chị Kim Thị Sa Th và anh Thạch Th tự nguyện kết hôn với nhau và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nhưng hai người chỉ sống chung với nhau được thời gian ngắn thì không còn sống chung đến nay. Nhận thấy hôn nhân của hai người là không hợp pháp và anh Th khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận hai người là vợ chồng là phù hợp, đây là thuộc trường hợp pháp luật không công nhận là vợ chồng. Về con chung là cháu Th đến ngày xét xử đã đủ 07 tuổi và yêu cầu của cháu là muốn ở với chị Sa Th mà chị Sa Th cũng đồng ý nuôi con và không yêu anh Th cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung thì anh Th khai không có.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09 tháng 6 năm 2000; Điều 7 Thông tư liện tịch số 01/2016TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016.

Tuyên bố không công nhận anh Th và chị Sa Th là vợ chồng, con chung giao chị Sa Th tiếp tục nuôi.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung thì đề nghị không giải quyết vì đương sự không ai yêu cầu.

Về án phí: đề nghị miễn nộp án phí hôn nhân sơ thẩm cho nguyên đơn theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét về việc thụ lý và quá trình giải quyết của Tòa án, vụ án được thụ lý và giải quyết đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, xác định tư cách đương sự tại Điều 68, xác minh thu thập chứng cứ tại Điều 97 và thời hạn chuẩn bị xét xử tại Điều 203. Riêng về quan hệ pháp luật tranh chấp, khi thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp nuôi con của nam nữa chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn. Nhưng xét thấy như phần phát biểu của Kiểm sát viên là đúng, bởi nguyên đơn không có yêu cầu tranh chấp về nuôi con. Do đó căn cứ vào quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình theo quy định để giải quyết là đúng quy định.

[2] Xét về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn, trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã có thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đương sự làm việc và thông báo về kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự vào ngày 19 tháng 3 năm 2019, ngày 29 tháng 3 năm 2019, có thông báo về kết quả phiên họp; triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm ngày 17 tháng 4 năm 2019, ngày 16 tháng 5 năm 2019. Việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng được thực hiện trực tiếp cho cá nhân theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng

dân sự do cha của chị Kim Thị Sa Th tên Kim Dg nhận thay và cam kết giao lại các văn bản tố tụng cho chị Sa Th. Nhận thấy chị Sa Th đã được Tòa án triệp tập hợp lệ, nhưng cố tình vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Th thì có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó có căn cứ xét xử vắng mặt anh Th và chị Sa Th theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Th về yêu cầu không công nhận anh với chị Sa Th là vợ chồng. Qua lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản xác minh cùng ngày 03 tháng 4 năm 2019 đối với Ủy ban nhân dân xã Long Hiệp và Ủy ban nhân dân xã S thể hiện: năm 2008 anh Th và chị Sa Th kết hôn với nhau thông qua hình thức tổ chức lễ cưới. Nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sống chung đến khoảng năm 2010 (khi con chung được khoảng 01 tuổi) thì hai người không còn sống chung cho đến nay. Tuy nhiên việc kết hôn này không được đăng ký theo quy định. Do đó hôn nhân của hai người không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần tuyên bố không công nhận anh Th và chị Sa Th là vợ chồng theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09 tháng 6 năm 2000 và Thông tư liện tịch số 01/2016TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016.

[3] Quyền, nghĩa vụ đối với con chung, anh Th khai có 01 con chung với chị Sa Th tên Kim Th. Căn cứ giấy khai sinh số 250/2011, Quyển số II/2011 đăng ký ngày 07 tháng 11 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã S thể hiện cháu Th sinh ngày 25 tháng 5 năm 2009, cho thấy đến thời điểm xét xử sơ thẩm cháu Th đã đủ 07 tuổi và có nguyện vọng yêu cầu được ở với chị Sa Th, chị Sa Th vắng mặt nhưng không có văn bản phản đối. Bên cạnh đó quá trình giải quyết vụ án anh Th cũng không có yêu cầu nuôi con và thống nhất giao cháu Thảo cho chị Sa Th nuôi tiếp sau khi ly hôn. Do đó căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của cháu và xem xét nguyện vọng cháu thì có cơ sở giao cháu Th cho chị Sa Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tiếp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con dù chị Sa Th vắng mặt nhưng chị có biết việc anh Th khởi kiện mà chị không có văn bản đưa ra yêu cầu nên không giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

[4] Xét về quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung, quá trình giải quyết vụ án anh Th khai xác nhận không có và chị Sa Th không có văn bản phản đối nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng do anh Th là dân tộc Khmer ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (ấp Nô Rè A, xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh) được quy định tại điểm đ khoản 1

Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí khi nộp đơn khởi kiện và miễn nộp toàn bộ tiền án phí.

[6] Về quyền kháng cáo, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, 51, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Thông tư liện tịch số 01/2016TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thạch Th.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Thạch Th và chị Kim Thị Sa Th là vợ chồng.

2. Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung, giao cháu Kim Th, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2009 cho chị Kim Thị Sa Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đồng thời theo nguyện vọng của Kim Th cũng yêu cầu được ở chung với chị Kim Thị Sa Th.

Vấn đề nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân cho anh Thạch Th.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao, gửi bản án hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Kim Thị Hồng Nga